

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý IV năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2013	năm 2012 (đã điều chỉnh)	năm 2013	năm 2012 (đã điều chỉnh)
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	27	64.060.077.392	744.161.699.903	203.517.246.378	1.077.485.967.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.772.727	(39.020.961.392)	4.772.727	41.676.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	27	64.055.304.665	783.182.661.295	203.512.473.651	1.077.444.291.150
4. Giá vốn hàng bán	11	28	34.035.389.130	553.257.286.411	120.119.040.883	758.779.981.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		30.019.915.535	229.925.374.885	83.393.432.768	318.664.309.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	7.221.263.557	145.597.959.966	16.715.785.331	147.428.644.097
7. Chi phí tài chính	22	30	8.973.399.900	10.945.636.282	29.009.343.084	29.459.835.968
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		188.700.054	8.753.232.265	18.840.323.202	26.033.045.491
8. Chi phí bán hàng	24		2.219.165.919	12.202.471.624	4.532.391.550	13.987.268.870
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.166.795.914	10.106.110.786	24.277.347.232	29.734.001.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.881.817.359	342.269.116.159	42.290.136.233	392.911.847.409
11. Thu nhập khác	31	31	1.886.790.128	5.501.963.838	5.394.740.402	10.495.962.704
12. Chi phí khác	32	32	2.125.211.227	992.549.530	2.930.443.909	6.038.887.740
13. Lợi nhuận khác	40		(238.421.099)	4.509.414.308	2.464.296.493	4.457.074.964
14. Phần lời/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45	33	-	(2.733.701.725)	(352.221.307)	(4.121.245.413)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.643.396.260	344.044.828.742	44.402.211.419	393.247.676.960
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	4.961.897.873	90.655.732.917	15.859.743.197	108.128.755.724
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	1.826.751	(2.934.233.774)	3.589.333.456	(3.976.978.901)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.679.671.636	256.323.329.599	24.953.134.766	289.095.900.137
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	26	68.282.022	6.294.127.143	(81.879.909)	4.161.958.512
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		15.611.389.614	250.029.202.456	25.035.014.675	284.933.941.625
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	410	(476)	646	18.543

Ghi chú: Trong năm tài chính 2013 để phù hợp hơn với những thay đổi gần đây của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và thực tiễn phát triển của ngành Bất động sản Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh Bất động sản, theo đó doanh thu và giá vốn Bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến Bất động sản đã được chuyển giao cho người mua (doanh thu theo chính sách mới sẽ được ghi nhận khi bàn giao Bất động sản, trước đây ghi nhận theo tiến độ nộp tiền). Công ty đã áp dụng hồi tố chính sách kế toán này theo Chuẩn mực Kế toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót” (Thuyết minh số 41).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý IV năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 02 năm 2014



Đoàn Tường Triệu
Giám đốc điều hành